TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 26 - 4 - 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Thị

Ông Lê Văn Nhưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T

Sinh ngày: 08 – 5 - 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S

Sinh ngày: 05 – 5 - 1973

Địa chỉ: Thôn WT, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2018, trong các bản khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Chị T kết hôn với anh S vào ngày 29 – 8 – 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi sinh con đầu lòng thì vợ chồng bắt đầu

thường cãi nhau hay gây sự khắc khẩu, bởi vì khác biệt tính cách, quan điểm sống và anh S. Hơn nữa Chị T và gia đình anh S cũng không sống hòa hợp được với nhau, trong những lần hai vợ chồng xảy ra tranh chấp, bố mẹ, và anh chị em của anh S không những can ngăn mà còn thúc dục anh S ly hôn Chị T. Năm 2006, Chị T đã một lần làm đơn ly hôn nhưng anh S không đồng ý, sau đó Chị T suy nghĩa cố chịu đựng vì con. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, hàng xóm và chính quyền nhiều lần đến can ngăn nhưng không có kết quả. Đặc biệt là khoảng năm 2012, anh S thường xuyên vô cớ gây sự, đánh đuổi Chị T đi. Do đó, Chị T phải đi làm ăn kiếm sống và đi đi về về chăm lo cho con và cuộc sống gia đình. Năm 2014 thì Chị T đi xuất khẩu lao động đến 2015 chị quay về thì anh S đuổi đánh chị nên vợ chồng ly thân kể từ ngày 8 tháng 8 năm 2015 cho đến nay. Kể cả sau khi ly thân thì vào tháng 5 năm 2016, anh S cùng gia đình đánh Chị T bị thương, chị phải đến điều trị tại trạm y tế, tuy nhiên vì nghĩ thương hai con mà Chị T không khởi kiện anh S. Hiện nay Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nữa, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị đề nghị được ly hôn với anh.

Chị T và anh S có 02 con chung là cháu: Nguyễn Trần A – Sinh ngày: 09 – 04 - 2004 và cháu Nguyễn Tiến B – Sinh ngày: 27 -02 - 2010. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân thì hai con chung vẫn sống chung cùng anh S tại căn nhà chung của vợ chồng tại xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Chị T nhiều lần về thăm gặp con và mong muốn đưa hai cháu về nhà ngoại để chăm sóc nhưng anh S và gia đình anh S ngăn cản không cho chị và hai con gặp nhau, vứt hết quà bánh và quần áo mà chị mua cho hai con. Mặc dù vậy, Chị T vẫn gửi tiền và chi phí về để chăm sóc cho cuộc sống của hai con và cũng nhờ gia đình bên ngoại chăm sóc, quan tâm đến hai con trong thời gian chị đi vắng. Đến năm 2019, sau khi Chị T về sinh sống ổn định tại xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án giữa chị và anh S thì chị đã đưa cháu Nguyễn Tiến B về chung sống tại nhà mẹ đẻ Chị T để trực tiếp chăm sóc cháu. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung là Nguyễn Trần A và Nguyễn Tiến B kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án. Chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000đ cho cả hai con chung. Hiện nay Chị T đang làm công nhân, thu nhập ổn định 7.000.000đ mỗi tháng.

Qúa trình chung sống Chị T và anh S có tạo lập được một số tài sản chung sau khi Tòa án thụ lý vụ án Chị T có yêu cầu Tòa án giải quyết và đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh thụ lý tuy nhiên sau khi xem xét Chị T đã xin rút lại yêu cầu về phân chia tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa, Chị T khẳng định chị

không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của chị và anh S trong vụ án này.

Ngoài ra, Chị T khẳng định vợ chồng chị không có nợ chung.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị Trần Thị T đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Trích lục kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân của Chị T, bản sao sổ hộ khẩu gia đình Chị T và anh S, trích lục khai sinh Nguyễn Trần Anh và cháu Nguyễn Tiến B, bản tự khai, đơn bổ sung yêu cầu, đơn xin rút lại yêu cầu.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn S trình bày thống nhất với Chị T về việc anh chị ngày 29 – 8 – 2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm (tức năm 2012) thì xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, theo anh S , lý do mâu thuẫn là vợ bồ bịch rồi bỏ đi. Từ khi xảy ra mâu thuẫn từ năm 2012, Chị T bỏ nhà đi thì vợ chồng ly thân, mỗi người tự đi làm ăn kiếm sống, vợ chồng không can thiệp vào cuộc sống của nhau. Vợ chồng đã ly thân gần 7 năm nay, trước đây tại biên bản lấy lời khai và các phiên hòa giải anh S mong muốn Chị T về đoàn tụ để nuôi dạy các con, tuy nhiên tại phiên tòa, sau khi nhận thấy giữa anh và Chị T thật sự không thể hàn gắn được nữa nên anh S đồng ý ly hôn với Chị T. Về con chung, anh chị có 02 con chung như Chị T trình bày. Kể từ khi ly thân, một mình anh vẫn nuôi dạy các con do đó, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung là Nguyễn Trần A và Nguyễn Tiến B. Hiện nay anh S làm nghề tự do, ai thuê gì làm nấy. Thu nhập của anh S bập bênh, trong quá trình giải quyết vụ án anh S khai anh có thu nhập 6.000.000 đồng mỗi tháng, tuy nhiên tại phiên tòa anh S lại trình bày vì có ngày làm ngày nghỉ nên thu nhập của anh chỉ dừng ở mức khoảng 2.000.000 đồng mỗi tháng do đó nếu nguyện vọng về nuôi con của anh được chấp nhận, anh S yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 4.000.000đ cho cả hai con chung. Anh Nguyễn Văn S cũng không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng. Qúa trình chung sống vợ chồng không còn khoản nợ chung nào.

Qúa trình giải quyết vụ án anh S không giao nộp cho Tòa án tài liêu, chứng cứ nào.

Để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn Nguyễn Văn S và làm việc trực tiếp với hai cháu Nguyễn Trần A và Nguyễn Tiến B để tìm hiểu nguyện vọng của hai cháu. Qua làm việc, cháu Nguyễn Trần Tuấn Anh có nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Văn S còn cháu Nguyễn Tiến B có nguyện vọng được ở với chị Trần Thị T.

Tại phiên tòa hôm nay, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và

tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

Xử:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S;
- Giao cháu Nguyễn Trần A cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Tiến B cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Sau khi kết hôn được hơn 10 năm thì vợ chồng Chị T và anh S xảy ra mâu thuẫn do nghi ngờ, không tin tưởng nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn năm 2012 Chị T bắt đầu đi làm ăn xa, thỉnh thoảng trở về chăm sóc các con. Đến năm 2014 khi Chị T xuất khẩu lao động thì giữa chị và anh S hoàn toàn không liên lạc, không can thiệp vào cuộc sống của nhau, Chị T chỉ về nhà để thăm nom con chung. Vợ chính thức ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện nay, Chị T nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể khắc phục được nữa nên đề nghị được ly hôn, anh S đồng ý ly hôn với Chị T. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, và những lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa Chị T và anh S đã xảy ra trong một thời gian dài, thường xuyên tranh chấp mà không có cách giải quyết, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S.

[2]. Về con: Cả Chị T và anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu: Nguyễn Trần A và Nguyễn Tiến B. Xét nguyện vọng của các đương sự là chính đáng. Tuy nhiên, Chị T là công nhân, thu nhập chỉ ở mức 7.000.000đ mỗi tháng, anh S làm nghề tự do, ai thuê gì làm nấy, thu nhập trung bình chỉ ở mức 6.000.000đ mỗi tháng, và cả Chị T và anh S đều không có chứng cứ gì để chứng minh cho thu nhập của mình và không có căn cứ để chứng minh thu nhập mà mỗi đương sự trình bày là ổn định hay không. Do đó, nếu giao cả hai con chung cho cùng một người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giao dục thì có thể không đảm bảo cho việc các cháu phát triển

đầy đủ, anh hưởng đến việc chăm sóc, và giáo dục các cháu. Hơn nữa, hai cháu Nguyễn Trần A và Nguyễn Tiến B đều trên 7 tuổi nên khi cân nhắc HĐXX cần xem xét đến nguyện vọng của các cháu. Qúa trình tìm hiểu cháu Nguyễn Trần A có nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Văn S còn cháu Nguyễn Tiến B có nguyện vọng được ở với chị Trần Thị T. Việc các cháu thể hiện nguyện vọng là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần thiết phải cháu Nguyễn Trần A cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Tiến B cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[3]. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó miễn xét

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị T là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Ngoài ra quá trình giải quyết vụ án Chị T có đơn bổ sung yêu cầu giải quyết tài sản chung và đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh thụ lý tuy nhiên sau khi xem xét Chị T đã xin rút lại yêu cầu về phân chia tài sản chung của vợ chồng nên Chị T không phải nộp tiền án phí cho yêu cầu phân chia tài sản theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[5].Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn S;

- Giao cháu Nguyễn Trần A – Sinh ngày: 09 – 04 - 2004 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của

Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

- Giao cháu Nguyễn Tiến B – Sinh ngày: 27 - 02 – 2010 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom các con chung, Chị T và anh S và các thành viên trong gia đình anh S và Chị T không được ngăn cấm, cản trở.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005451 ngày 04 -4 – 2019 và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00054544 ngày 08 - 4 – 2019. Nay chị Trần Thị T được hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn: Chị T;
- Bị đơn: Anh S;
- VKS huyện Kỳ Anh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Dũng